TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/DS - ST
Ngày: 01/9/2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Kim Phước.

2. Ông Nguyễn Thanh Rực.

Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Toại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2021/TLST – DS ngày 19 tháng 4 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2021/QĐXXST - DS ngày 29 tháng 6 năm 2021; giữa các đương sự:

Nguyên đơn**:** Ngân hàng K;

Địa chỉ: Số 40-42-44 P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo ủy quyền*:* Ông Ngô Bá Vương –Giám đốc Ngân hàng K – Phòng giao dịch T; địa chỉ: 65 T, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền số 1342/UQ-NHKL ngày 14/8/2020). (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1960; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện L, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 08/01/2021, cũng như tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt lập ngày 16/7/2021 đại diện ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng K (gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

Vào ngày 28/8/2018 ông Huỳnh Văn H có ký với Ngân hàng 01 Hợp đồng tín dụng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số: 40068248000010/2018, cụ thể:

Số tiền vay là: 50.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng); Mục đích vay: Tiêu dùng; Giải ngân ngày 21/9/2018; thời hạn vay: 36 tháng; Lãi suất vay: theo

quy định của Kienlongbank phù hợp với quy định của pháp luật trong từng thời kỳ. Hình thức thanh toán: Lãi và gốc trả hàng tháng. Khoản vay thẻ tín dụng phát hành theo khoản vay có tài sản bảo đảm là bất động sản chính chủ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Huỳnh Văn H đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Ngân hàng K yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Huỳnh Văn H có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng số tiền vốn lãi tính đến ngày 01/9/2021 là 116.740.410 đồng (một trăm mười sáu triệu, bảy trăm bốn mươi ngàn, bốn trăm mười đồng) (trong đó vốn gốc 49.938.790 đồng (bốn mươi chín triệu, chín trăm ba mươi tám ngàn, bảy trăm chín mươi đồng); lãi phát sinh còn lại 26.018.975 đồng (hai mươi sáu triệu, không trăm mười tám ngàn, chín trăm bảy mươi lăm đồng); phí phạt chậm trả: 19.507.451 đồng (mười chín triệu, năm trăm lẻ bảy ngàn, bốn trăm năm mươi mốt ngàn đồng); phí phạt vượt hạn mức 21.076.194 đồng (hai mươi mốt triệu, không trăm bảy mươi sáu ngàn, một trăm chín mươi bốn đồng); phí thường niên 199.000 đồng (một trăm chín mươi chín ngàn đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ gốc. Ngân hàng không yêu cầu xem xét đối với tài sản thế chấp.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/7/2021, cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Văn H trình bày: Ông thừa nhận vào năm 2018 có ký hợp đồng tín dụng sử dụng thẻ quốc tế với Ngân hàng K, cụ thể: Số tiền vay 50.000.000 đồng; mục đích vay: Tiêu dùng. Các chữ ký trong hợp đồng đều do ông ký. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông hoàn trả nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 01/9/2021 với số tiền 116.740.410 đồng (một trăm mười sáu triệu, bảy trăm bốn mươi ngàn, bốn trăm mười đồng) (trong đó vốn gốc 49.938.790 đồng (bốn mươi chín triệu, chín trăm ba mươi tám ngàn, bảy trăm chín mươi đồng); lãi phát sinh còn lại 26.018.975 đồng (hai mươi sáu triệu, không trăm mười tám ngàn, chín trăm bảy mươi lăm đồng); phí phạt chậm trả: 19.507.451 đồng (mười chín triệu, năm trăm lẻ bảy ngàn, bốn trăm năm mươi mốt ngàn đồng); phí phạt vượt hạn mức 21.076.194 đồng (hai mươi mốt triệu, không trăm bảy mươi sáu ngàn, một trăm chín mươi bốn đồng); phí thường niên 199.000 đồng (một trăm chín mươi chín ngàn đồng) thì ông đồng ý hoàn trả các khoản nợ trên, nhưng xin được xem xét trả dần cho đến khi hết nợ. Bên cạnh đó, ông H cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn nộp tiền án phí cho ông, với lý do ông là người cao tuổi.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng K về việc buộc ông Huỳnh Văn H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi tạm tính đến ngày 01/9/2021 là

116.740.410 đồng (một trăm mười sáu triệu, bảy trăm bốn mươi ngàn, bốn trăm mười đồng) (trong đó vốn gốc 49.938.790 đồng (bốn mươi chín triệu, chín trăm ba mươi tám ngàn, bảy trăm chín mươi đồng); lãi phát sinh còn lại 26.018.975 đồng (hai mươi sáu triệu, không trăm mười tám ngàn, chín trăm bảy mươi lăm đồng); phí phạt chậm trả: 19.507.451 đồng (mười chín triệu, năm trăm lẻ bảy ngàn, bốn trăm năm mươi mốt ngàn đồng); phí phạt vượt hạn mức 21.076.194 đồng (hai mươi mốt triệu, không trăm bảy mươi sáu ngàn, một trăm chín mươi bốn đồng); phí thường niên 199.000 đồng (một trăm chín mươi chín ngàn đồng), cộng số tiền lãi phát sinh đến khi trả xong nợ gốc cho Ngân hàng. Đối với xử lý tài sản thế chấp, Ngân hàng không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đại diện ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đại diện ủy quyền của nguyên đơn.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Văn H hoàn trả số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 01/9/2021 với số tiền là 116.740.410 đồng (một trăm mười sáu triệu, bảy trăm bốn mươi ngàn, bốn trăm mười đồng) (trong đó vốn gốc 49.938.790 đồng (bốn mươi chín triệu, chín trăm ba mươi tám ngàn, bảy trăm chín mươi đồng); lãi phát sinh còn lại 26.018.975 đồng (hai mươi sáu triệu, không trăm mười tám ngàn, chín trăm bảy mươi lăm đồng) ; phí phạt chậm trả: 19.507.451 đồng (mười chín triệu, năm trăm lẻ bảy ngàn, bốn trăm năm mươi mốt ngàn đồng); phí phạt vượt hạn mức 21.076.194 đồng (hai mươi mốt triệu, không trăm bảy mươi sáu ngàn, một trăm chín mươi bốn đồng); phí thường niên 199.000 đồng (một trăm chín mươi chín ngàn đồng), được Hội đồng xét xử xem xét như sau:

Để chứng minh cho việc ông Huỳnh Văn H có vay vốn, Ngân hàng cung cấp cho Tòa án chứng cứ là: Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số: 40068248000010; Xác nhận nhận thẻ (bút lục 03, 04), các chứng cứ nêu trên đều có chữ ký của ông H. Xét thấy, về hình thức, nội dung các văn bản này là phù hợp theo quy định của pháp luật; đồng thời tại phiên tòa ông H cũng thừa nhận các chữ ký trong hợp đồng, xác nhận nhận thẻ đều do ông ký. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, các tình tiết nêu trên là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án, nên Hội đồng xét xử khẳng định ông H đã vay và nhận đủ của Ngân hàng số tiền gốc là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Sau khi được Ngân hàng giải ngân theo hợp đồng thì ông H không thanh toán đúng hạn tiền lãi và tiền gốc cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết. Do vậy, việc ông H không thực hiện nghĩa vụ trả dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng là đã vi phạm thỏa thuận mà các bên đã ký kết, ông H là người có lỗi, là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết. Vì vậy, việc nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu bị đơn ông H hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc còn lại 49.938.790 đồng (bốn mươi chín triệu, chín trăm ba mươi tám ngàn, bảy trăm chín mươi đồng) và lãi là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của

Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận

Đối với yêu cầu tính lãi: Tại Điều 3 các khoản lãi và phí của Phụ lục 01 bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Kienlongbank thì Ngân hàng K có quyền ghi nợ vào tài khoản tín dụng các khoản lãi và phí với mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ, các loại phí thông báo theo từng thời kỳ. Xét thấy mức lãi suất các bên thỏa thuận trong trong Hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, số tiền lãi và phí trên Ngân hàng đã tính đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận nên ông H phải có nghĩa vụ trả lãi và phí cho Ngân hàng theo giao kết là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, bị đơn ông H có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng K dư nợ tính đến ngày 01/9/2021 với số tiền vay gốc là 49.938.790 đồng (bốn mươi chín triệu, chín trăm ba mươi tám ngàn, bảy trăm chín mươi đồng); lãi phát sinh còn lại 26.018.975 đồng (hai mươi sáu triệu, không trăm mười tám ngàn, chín trăm bảy mươi lăm đồng); phí phạt chậm trả: 19.507.451 đồng (mười chín triệu, năm trăm lẻ bảy ngàn, bốn trăm năm mươi mốt ngàn đồng); phí phạt vượt hạn mức 21.076.194 đồng (hai mươi mốt triệu, không trăm bảy mươi sáu ngàn, một trăm chín mươi bốn đồng); phí thường niên 199.000 đồng (một trăm chín mươi chín ngàn đồng).

Về xử lý tài sản thế chấp: Ngân hàng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với yêu cầu của ông H xin được trả dần số vốn lãi còn thiếu cho Ngân hàng, nhưng phía Ngân hàng không đồng ý, do đó HĐXX không có cơ sở xem xét.

Về án phí: Bị đơn ông Huỳnh Văn H thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phi Tòa án. Nguyên đơn Ngân hàng K không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 227, Điều 228; Điều 235; Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; điểm đ Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng K; Buộc bị đơn ông Huỳnh Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi vay tính đến ngày xét xử là 116.740.410 đồng (một trăm mười sáu triệu, bảy trăm bốn mươi ngàn,

bốn trăm mười đồng) (trong đó vốn gốc 49.938.790 đồng (bốn mươi chín triệu, chín trăm ba mươi tám ngàn, bảy trăm chín mươi đồng); lãi phát sinh còn lại 26.018.975 đồng (hai mươi sáu triệu, không trăm mười tám ngàn, chín trăm bảy mươi lăm đồng) ; phí phạt chậm trả: 19.507.451 đồng (mười chín triệu, năm trăm lẻ bảy ngàn, bốn trăm năm mươi mốt ngàn đồng); phí phạt vượt hạn mức 21.076.194 đồng (hai mươi mốt triệu, không trăm bảy mươi sáu ngàn, một trăm chín mươi bốn đồng); phí thường niên 199.000 đồng (một trăm chín mươi chín ngàn đồng).

Kể từ ngày 02/9/2021, nếu ông Huỳnh Văn H chưa thanh toán số tiền trên cho Ngân hàng K, thì ông H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Huỳnh Văn H thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phi Tòa án.

Hoàn trả cho Ngân hàng K số tiền tạm ứng án phí đã nộp với số tiền 2.379.000 đồng (Hai triệu, ba trăm bảy mươi chín ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007868 ngày 08/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

4/ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tăng Triều Vũ Hà

.